

BỘ 10 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM HÓA 8 BÀI 29: BÀI LUYỆN TẬP 5:

Câu 1: Phần trăm khối lượng của Cu trong CuO là

- A. 60%
- B. 70%
- C. 80%
- D. 50%

Câu 2: Bari oxit có công thức hóa học là

- A. Ba₂O
- B. BaO
- C. BaO₂
- D. Ba₂O₂

Câu 3: Sử dụng chất nào để nhận biết 3 chất rắn Na₂O, Al₂O₃, MgO.

- A. H₂SO₄
- B. BaCl₂
- C. H₂O
- D. HCl

Câu 4: Phát biểu nào sau đây về oxi là không đúng ?

- A. Oxi nhẹ hơn không khí
- B. Oxi cần thiết cho sự sống
- C. Oxi không mùi và không vị
- D. Oxi chiếm 20,9% về thể tích trong không khí

Câu 5: Nhóm chất nào sau đây đều là oxit?

- A. SO_2 , MgSO_4 , CuO
- B. CO , SO_2 , CaO
- C. CuO , HCl , KOH
- D. FeO , CuS , MnO_2

Câu 6: Oxit là hợp chất của oxi với:

- A. Một nguyên phi kim
- B. Một nguyên tố kim loại
- C. Nhiều nguyên tố hóa học
- D. Một nguyên tố hóa học khác

Câu 7: Đốt cháy hoàn toàn 3,2 gam lưu huỳnh trong 2,24 lít khí O_2 . Sau phản ứng khối lượng SO_2 thu được là

- A. 6,4 gam. B. 3,2 gam. C. 8,0 gam. D. 4 gam.

Câu 8: Số gam KClO_3 để điều chế 2,4 g Oxi ở đktc ?

- A. 18 g
- B. 17,657 g
- C. 6,125 g
- D. 9,17 g

Câu 9: Tỷ lệ khối lượng của Nito và Oxi là 7: 8. Công thức của oxit là

- A. NO
- B. NO_2
- C. N_2O_5
- D. N_2

Câu 10: Người ta thu khí oxi bằng cách đẩy không khí là dựa vào tính chất nào?

- A. Oxi tan trong nước
- B. Oxi nặng hơn không khí
- C. Oxi không mùi, màu, vị
- D. Khí oxi dễ trộn lẫn trong không khí

Đáp án

1-C 2-B 3-C 4-A 5-B

6-D 7-A 8-C 9-A 10-B

Hướng dẫn giải chi tiết**Câu 1:**

Đáp án: C

$$\%m_{\text{Cu}} = \frac{64}{(64+16)} \times 100\% = 80\%$$

Câu 3:

Cho 3 chất rắn tác dụng với nước

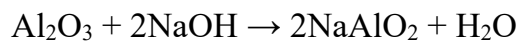
+ Chất rắn tan là Na_2O



+ Chất rắn không tan là Al_2O_3 và MgO

Cho 2 chất còn lại tác dụng với dung dịch Na OH vừa thu được

+ Chất rắn tan là Al_2O_3



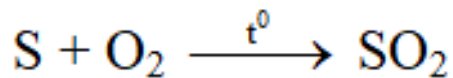
+ chất rắn không tan là MgO

Câu 7:

Đáp án: A

$$n_S = \frac{m}{M} = \frac{3,2}{32} = 0,1 \text{ mol}; \quad n_{O_2} = \frac{V}{22,4} = \frac{2,24}{22,4} = 0,1 \text{ mol}$$

Phương trình hóa học:



$$1 \quad 1 \quad 1 \quad \text{mol}$$

$$0,1 \quad 0,1 \quad 0,1 \quad \text{mol}$$

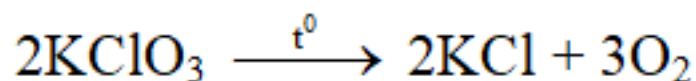
Theo phương trình hóa học S và O₂ phản ứng hết; Sau phản ứng thu được 0,1 mol SO₂.

$$m_{SO_2} = 0,1 \cdot (32 + 16 \cdot 2) = 6,4 \text{ gam.}$$

Câu 8:

Đáp án: C

$$n_{O_2} = \frac{m}{M} = \frac{2,4}{32} = 0,075 \text{ mol}$$



$$2 \quad 3 \quad \text{mol}$$

$$0,05 \quad \leftarrow \quad 0,075 \quad \text{mol}$$

Theo PTHH có số mol KClO₃ = 0,05 mol

Khối lượng KClO₃ là:

$$m = n \cdot M = 0,05 \cdot (39 + 35,5 + 16 \cdot 3) = 6,125 \text{ gam.}$$

Câu 9:

Đáp án: A

$$\text{Có } \frac{m_N}{m_O} = \frac{7}{8}$$

$$n_N = \frac{m}{M} = \frac{7}{14} = \frac{1}{2}$$

$$n_O = \frac{m}{M} = \frac{8}{16} = \frac{1}{2}$$

$$\text{Có : } \frac{n_N}{n_O} = \frac{1}{2} : \frac{1}{2} = 1;1$$

⇒ Công thức cần tìm là NO